TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 20-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Khuyến

2. Ông Nguyễn Duy Khải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 48/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D** (tên gọi khác: D D); sinh năm 1996 tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hoá: 6/12; Con ông: Nguyễn Văn D – sinh năm: 1962, bà: Ngô Thị H – sinh năm: 1961. Bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm: 1987, nhỏ nhất sinh năm: 1993; Cùng HKTT: thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 25/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án dân dân huyện P xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đến ngày 23/01/2017 chấp hành xong (đã xóa án tích).

Ngày 30/4/2019, có hành vi trộm cắp tài sản, bị tạm giữ sau đó khởi tố và tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P từ ngày 30/4/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

- Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1987, trú tại: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

**** Người làm chứng:***

- Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1962; trú tại: Thôn T 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài nên khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/4/2019, Nguyễn Văn D chuẩn bị 01 đoản phá khóa và 01 bình xịt màu xanh có nút bấm màu đỏ rồi điều khiển xe môtô Exciter màu xanh (chưa rõ biển số) chở đối tượng tên Ch (chưa rõ nhân thân lai lịch) đến khu vực xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước để trộm cắp tài sản. Trên đường đi C đưa cho D 01 cục kim loại phá khóa xe màu vàng hình chữ nhật cất giữ. Khi cả hai đi ngang qua tiệm hoa "Nguyễn K" thuộc thôn T 2, xã B thì D phát hiện xe mô tô Honda Wave RSX, màu đen-xám, BKS: 93M1-302.60 của chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1987, thường trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đang dựng trước cửa tiệm không có người trông coi nên dừng xe để Ch ngồi ngoài cảnh giới, còn D đi bộ vào dùng đoản đút vào ổ khóa điện của xe rồi vặn theo chiều kim đồng hồ phá ổ khóa xe. Khi thấy "đèn mo" của xe (đèn màu xanh có chữ "N") sáng lên thì dắt xe lùi ra đường đề máy để tẩu thoát nhưng xe không nổ máy. Lúc này, người dân gần đó phát hiện truy hô và bắt quả tang D cùng tang vật, còn Ch điều khiển xe môtô Exciter màu xanh chạy thoát.

Tang vật thu giữ lúc bắt D: 01 xe mô tô Honda Wave RSX, màu đen - xám, BKS: 93M1-302.60; 01 đoản phá khóa; 01 cục kim loại hình chử nhật màu vàng; 01 bình xịt màu xanh, có nút màu đỏ; 01 điện thoại Nokia 1202; 01 bóp da màu đen và số tiền 8.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HDĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: tại thời điểm ngày 30/04/2019, giá trị còn lại của 01 xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đen xám, biển kiểm soát: 93M1-302.60 là 19.550.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKSPR ngày 22/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án từ 15 đến 18 tù giam.

Đối với đối tượng tên Ch là người cùng D thực hiện hành vi phạm tội. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chưa làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra huyện P đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe môtô Honda Wave RSX màu đen-xám, BKS: 93M1-302.60 quá trình điều tra chứng minh là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu L bị D

chiếm đoạt nên ngày 26/06/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho L.

Đối với số tiền 8.500.000 đồng, 01 bóp da màu đen và điện thoại di động Nokia 1202. Quá trình điều tra chứng minh được đây là tài sản riêng của D không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho D.

Đối với 01 cục kim loại màu vàng hình chữ nhật; 01 đoản phá khóa và 01 bình xịt màu xanh có nút bấm màu đỏ thu giữ trên người D là vật dụng mà D sử dụng trong quá trình phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo có mặt tại phiên tòa khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án thu được, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời phù hợp với kết luận của đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 15 giờ ngày 30/4/2019, Nguyễn Văn D có hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đen-xám, BKS: 93M1-302.60 của bà Nguyễn Thị Thu L tại thôn T 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, với giá trị tài sản là 19.550.000đ thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị Thu L, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an trị

an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện P kết án 18 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 25/2016/HSST ngày 17/3/2016, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo không xem đó là bài học mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đối tượng tên Ch là người cùng bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa xác minh được đối tượng nên cần tách ra và đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đen-xám, BKS: 93M1-302.60 quá trình điều tra xác định tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu L. Ngày 26/6/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trả lại cho bà L là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 8.500.000 đồng, 01 bóp da màu đen và điện thoại di động Nokia 1202. Quá trình điều tra chứng minh được đây là tài sản riêng của D không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Dũng.

Đối với 01 cục kim loại màu vàng hình chữ nhật; 01 đoản phá khóa và 01 bình xịt màu xanh có nút bấm màu đỏ thu giữ của bị cáo D là vật dụng mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra, bà L đã nhận lại tài sản là xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đen-xám, BKS: 93M1-302.60. Bà L cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 30/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng); 01 bóp da màu đen và điện thoại di động Nokia 1202.

Tịch thu tiêu hủy 01 cục kim loại màu vàng hình chữ nhật; 01 đoản phá khóa và 01 bình xịt màu xanh có nút bấm màu đỏ.

3. Án phí sơ thẩm:

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- CA huyện P;
- Nhà tạm giữ CA huyện P;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Tấn Trường